

Bản án số: **189/2024/HSPT**
Ngày 07/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Duy Tuấn
- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Huồn và bà Nguyễn Thị My My
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Linh Chi
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 07 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 195/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2024, đối với bị cáo Trần Thị Diệu H, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2024/HS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: Trần Thị Diệu H; sinh năm: 1971, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi thường trú: Thôn B, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: TDP 1, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Đình H và bà Trần Thị L (đều đã chết); chồng: Phạm Đình T, sinh năm 1973; bị cáo có 03 con; con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án; tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 31/8/2023 đến ngày 08/9/2023; khởi tố chuyển tạm giam từ ngày 09/9/2023 đến ngày 28/11/2023; sau đó áp dụng biện pháp cho bảo lãnh từ ngày 29/11/2023, vắng mặt

- Luật sư bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Huy H – Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận thấy nhiều người có nhu cầu vay tiền nên từ tháng 11/2022 đến tháng 02/2023, Trần Thị Diệu H đã cho 05 cá nhân vay tiền với lãi suất cao, vượt quá mức quy định pháp luật để thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

1. Cho bà Nguyễn Thị Thanh N, trú tại 107/20/7 Đ, phường T, tp B vay 02 lần:

Lần 1: H cho bà N vay số tiền 700.000.000 đồng, thời gian vay 02 ngày (từ

ngày 16/11/2022 đến ngày 17/11/2022), lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương lãi suất 109,5%/ năm (gấp 5,475 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS). Số tiền lãi đã thu là 4.200.000 đồng, trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS (20%) là 767.123 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.432.877 đồng.

Lần 2: H cho bà N vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 01 ngày (ngày 18/11/2022), lãi suất 3.000đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương lãi suất 109,5%/ năm (gấp 5,475 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS). Lãi đã thu là 1.800.000 đồng, trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS (20%) là 328.767 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.471.233 đồng.

2. Cho ông Dương Hồng H1, sinh năm 1990, trú tại thôn T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vay 01 lần.

Từ ngày 14/12/2022 đến ngày 30/12/2022, H cho ông H1 vay 2.000.000.000 đồng, thời gian vay là 17 ngày, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương 109,5%/năm. Lãi suất đã thu là 102.000.000 đồng, trong đó tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS (20%) là 18.630.137 đồng, thu lợi bất chính 83.369.863 đồng.

3. Cho ông Nguyễn Đình T, trú tại tổ dân phố 5, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk vay 01 lần.

Ngày 08/01/2023, H cho ông T vay 2.600.000.000 đồng, thời gian vay 02 ngày (từ ngày 08/01/2023 đến ngày 09/01/2023), lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương lãi suất 109,5%/ năm (gấp 5,475 lần mức lãi cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS). Tiền lãi đã thu là 15.600.000 đồng, trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS (20%) là 2.849.315 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 12.750.685 đồng.

4. Cho bà Trần Thị Hạnh P, trú tại tổ dân phố 1, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk vay 01 lần.

Ngày 12/01/2023, H đã cho bà Phước vay số tiền 215.000.000 đồng, thời gian vay là 07 ngày (từ ngày 12/01/2023 đến 18/01/2023), với lãi suất cho vay là 121,26%/năm, gấp 6,063 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS. Số tiền lãi đã thu là 5.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS (20%) là 824.658 đồng, thu lợi bất chính số tiền 4.175.342 đồng.

5. Cho ông Đỗ Khắc N, trú tại TDP 2, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk vay 01 lần.

Ngày 02/02/2023, H cho ông Nghĩa vay 700.000.000 đồng, thời gian vay 01 ngày, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi đã thu là 2.100.000 đồng, trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS (20%) là 383.562 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.716.438 đồng.

Tổng cộng, bị cáo H đã cho 05 cá nhân trên vay tiền với tổng số tiền cho vay là 6.815.000.000 đồng (trong đó tiền gốc dùng cho vay quay vòng là 2.600.000.000

đồng), với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 121,26%/năm gấp từ 5,475 lần đến 6,063 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi đã thu là 130.700.000 đồng, trong đó số tiền lãi đã thu tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS (20%) là 23.783.562 đồng, thu lợi bất chính số tiền 106.916.438 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2024/HS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024, của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Diệu H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự; điểm e khoản 2 Điều 32; Điều 36 Bộ luật hình sự; điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bị cáo Trần Thị Diệu H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 31/8/2023 đến ngày 08/9/2023, thời gian tạm giam từ ngày 09/9/2023 đến ngày 28/11/2023 là 90 ngày = 03 tháng. Mỗi ngày tạm giữ, tạm giam quy đổi thành 03 ngày cải tạo không giam giữ. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt còn lại là 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan Thi hành án hình sự nhận được quyết định Thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo vì không có thu nhập ổn định.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền đối với bị cáo 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 22/7/2024, bị cáo Trần Thị Diệu H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng, không đồng ý với nội dung tuyên xử:

- Truy thu của bị cáo sung ngân sách nhà nước số tiền gốc 2.600.000.000 đồng.

- Truy thu đối với bị cáo số tiền 86.600.000 đồng, gồm:

+ 15.728.767 đồng là tiền lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự để sung ngân sách nhà nước;

+ 70.871.233 đồng là số tiền thu lợi bất chính để trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay) là: trả cho bà Nguyễn Thị Thanh N 4.904.110 đồng; ông Dương Hồng H1 số tiền 49.041.095 đồng; ông Nguyễn Đình T số tiền 12.750.685 đồng; bà Trần Thị Hạnh P số tiền 4.175.342 đồng;

Tiếp tục áp dụng biện pháp kê biên đối với 06 thửa đất trên để đảm bảo công tác thi hành án theo Lệnh kê biên tài sản số 01/LKB- ĐCSKT, ngày 04/12/2023 của Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đối với 06 thửa đất đứng tên bị cáo Trần Thị Diệu H, gồm: Thửa đất số 161, tờ bản đồ 19, diện tích 3.678,8m², địa chỉ tại xã

Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ; Thửa đất số 24, tờ bản đồ 65, diện tích 1,485m², địa chỉ tại xã B, thị xã B; Thửa đất số 320, tờ bản đồ 28, diện tích 220,7m², địa chỉ tại phường Đ, thị xã B; Thửa đất số 20, tờ bản đồ 30, diện tích 132,3m², địa chỉ tại phường A, thị xã B; Thửa đất số 19, tờ bản đồ 20, diện tích 50m², địa chỉ tại phường A, thị xã B.

Căn cứ quy định của pháp luật về khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thì số tiền truy thu trên có ½ là của chồng bị cáo ông Phạm Đình T1, số tiền này khi giao dịch chồng bị cáo không biết nên đề nghị trả lại ½ số tiền trên cho ông T1. Việc Tòa án sơ thẩm tiếp tục kê biên đối với 06 thửa đất trên là trái pháp luật đối với quyền lợi của ông T1 nên đề nghị Tòa án hủy bỏ việc áp dụng biện pháp kê biên đối với 06 thửa đất trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Diệu H - Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về phần thủ tục tố tụng: Ngày 06/11/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhận được Đơn xin hoãn phiên tòa của người bào chữa cho bị cáo ông Nguyễn Huy H lý do bận tham gia tố tụng tại phiên tòa khác nhưng không xuất trình giấy tờ chứng minh. Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo và bị cáo Trần Thị Diệu H đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không vì lý do bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào các điểm a, c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo và người bào chữa cho bị cáo là phù hợp.

[2] Quá trình xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm thì đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận: Bị cáo đã cho ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Dương Hồng H1, bà Trần Thị Hạnh P vay tiền với tổng số tiền cho vay là 6.115.000.000 đồng (trong đó tiền gốc dùng cho vay quay vòng là 2.600.000.000 đồng); với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 121,26%/năm gấp từ 5,475 lần đến 6,063 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; số tiền lãi đã thu là 128.600.000 đồng; số tiền lãi đã thu tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS (20%) là 15.728.767 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 70.871.233 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Trần Thị Diệu H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo, thấy rằng:

[3.1] Về số tiền bị truy thu: Bị cáo sử dụng số tiền 2.600.000.000 đồng là tiền gốc dùng cho vay quay vòng nên cần xác định toàn bộ số tiền này là công cụ, pH tiền mà bị cáo dùng vào việc phạm tội. Đối với số tiền mà bị cáo có được từ hành vi cho vay lãi nặng tung ứng với mức lãi suất 20%/năm là 15.728.767 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo nộp lại toàn bộ số tiền trên để sung ngân sách Nhà nước là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật theo điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Ngoài ra, bị cáo còn thu tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 70.871.233 đồng số tiền này là bị cáo chiếm đoạt trái pháp luật của người vay nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho các chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật theo khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Như vậy, toàn bộ số tiền liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo bao gồm 2.600.000.000 đồng tiền gốc, 15.728.767 đồng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm và 70.871.233 đồng tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm đã được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo khắc phục đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Bị cáo kháng cáo cho rằng số tiền trên là tài sản chung của vợ chồng bị cáo trong thời kỳ hôn nhân, việc bị cáo sử dụng số tiền trên để phạm tội chồng bị cáo là ông Phạm Đình T1 không biết do đó Tòa án cấp sơ thẩm truy thu toàn bộ số tiền này là không đúng mà cần trả lại ½ cho chồng bị cáo, xét thấy: Các lời khai của ông Phạm Đình T1 tại cơ quan điều tra (bút lục 1979 - 1981) đều thể hiện ông T1 biết việc bị cáo sử dụng tài khoản ngân hàng của mình để thực hiện các giao dịch cho vay mượn tiền đối với những người khác để kiếm lời, như vậy ông Thảo tự nguyện để bị cáo sử dụng tài sản chung của vợ chồng nếu có lợi nhuận thì vợ chồng cùng hưởng lợi ích và khi có rủi ro thì phải cùng chịu trách nhiệm. Căn cứ khoản 3 Điều 47 Bộ luật hình sự : *“Vật, tiền là tài sản của người khác, nếu người này có lỗi trong việc để cho người phạm tội sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, thì có thể bị tịch thu”* cần xác định ông T1 cũng có lỗi trong việc để cho bị cáo sử dụng tài sản chung của vợ chồng vào việc thực hiện tội phạm nên việc tịch thu sung quỹ nhà nước toàn bộ số tiền trên là phù hợp.

[3.2] Về việc tiếp tục áp dụng biện pháp kê biên để đảm bảo công tác thi hành án theo Lệnh kê biên tài sản số 01/LKB- ĐCSKT, ngày 04/12/2023 của Cơ quan CSĐT Công an thị xã Buôn Hồ đối với 06 thửa đất đứng tên bị cáo Trần Thị Diệu H, gồm: Thửa đất số 161, tờ bản đồ 19, diện tích 3.678,8m², địa chỉ tại xã B, thị xã B; Thửa đất số 24, tờ bản đồ 65, diện tích 1,485m², địa chỉ tại xã B, thị xã B; Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 6, diện tích 6.404,2m² địa chỉ tại phường T, thị xã B; Thửa đất số 320, tờ bản đồ 28, diện tích 220,7m², địa chỉ tại phường Đ, thị xã B; Thửa đất số 20, tờ bản đồ 30, diện tích 132,3m², địa chỉ tại phường A, thị xã B; Thửa đất số 19, tờ bản đồ 20, diện tích 50m², địa chỉ tại phường A, thị xã B, bị cáo kháng

cáo cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, việc tiếp tục kê biên toàn bộ các thửa đất trên làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chồng bị cáo là ông Phạm Đình T1, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tiếp tục biện pháp kê biên đối với 06 thửa đất đứng tên của bị cáo nêu trên là để đảm bảo công tác thi hành án, trong trường hợp phải cưỡng chế thi hành án nếu có tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng thì các bên có quyền khởi kiện để giải quyết bằng một bản án dân sự theo quy định tại Điều 75 của Luật thi hành án dân sự, do đó nội dung kháng cáo này của bị cáo là không có căn cứ.

[3.3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk về phần xử lý vật chứng.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Diệu H - Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động Nhãn hiệu Iphone XR, màu vàng, số sê-ri: FK1XN5QKKXL2; tiêu hủy sim số: 0977512623 bên trong máy nói trên.

- Truy thu của bị cáo sung ngân sách nhà nước số tiền gốc 2.600.000.000 đồng.

- Truy thu đối với bị cáo Trần Thị Diệu H số tiền 86.600.000 đồng, gồm:

+ 15.728.767 đồng là tiền lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự đề sung ngân sách nhà nước;

+ 70.871.233 đồng là số tiền thu lợi bất chính để trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay) là: trả cho bà Nguyễn Thị Thanh N 4.904.110 đồng; ông Dương Hồng H1 số tiền 49.041.095 đồng; ông Nguyễn Đình T số tiền 12.750.685 đồng; bà Trần Thị Hạnh P số tiền 4.175.342 đồng;

[3] Về biên pháp tư pháp:

Tiếp tục áp dụng biện pháp kê biên đối với 06 thửa đất trên để đảm bảo công tác thi hành án theo Lệnh kê biên tài sản số 01/LKB- ĐCSKT, ngày 04/12/2023 của Cơ quan CSĐT Công an thị xã Buôn Hồ đối với 06 thửa đất đứng tên bị cáo Trần Thị Diệu H, gồm: Thửa đất số 161, tờ bản đồ 19, diện tích 3.678,8m², địa chỉ tại xã B, thị xã B; Thửa đất số 24, tờ bản đồ 65, diện tích 1,485m², địa chỉ tại xã B, thị xã B; Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 6, diện tích 6.404,2m² địa chỉ tại phường T, thị xã B; Thửa đất số 320, tờ bản đồ 28, diện tích 220,7m², địa chỉ tại phường Đ,

thị xã B; Thửa đất số 20, tờ bản đồ 30, diện tích 132,3m², địa chỉ tại phường A, thị xã B; Thửa đất số 19, tờ bản đồ 20, diện tích 50m², địa chỉ tại phường A, thị xã B.

[4] Về án phí: Bị cáo Trần Thị Diệu H phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- VP CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tx.B;
- VKSND Tx.B;
- Công an Tx.B;
- Chi cục THADS Tx.B;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Duy Tuấn